

Bản án số: 1320/2017/DS-ST

Ngày: 29/9/2017

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Thanh Thủy
2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoa là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 688/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2017/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VN TV.

Địa chỉ: Số Đường C, Phường D, Thành phố Hà Nội..

Người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị N giấy ủy quyền số 271/2017/UQ-GĐK-TDĐT ngày 10/7/2017.

Địa chỉ: Số Đường A, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông Dư Đức T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số Đường C, Phường N, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà N và ông T vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/5/2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/7/2017 của Ngân hàng TMCP VN TV (gọi tắt Ngân hàng) và trong quá trình giải quyết vụ án thì người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày như sau: Ngày 13/6/2014 ông Du Đức T có đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đối với Ngân hàng TMCP VN TV – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để vay số tiền 15 triệu đồng, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất là 60% năm, mục đích vay mua xe, phương thức vay: Cho vay trả góp. Ngày 19/6/2014 Ngân hàng TMCP VN TV – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã phê duyệt Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140619-500001-0043 cho ông T vay như sau: Số tiền vay 14.700.000 đồng trong đó gồm: Vay tiêu dùng 14.000.000 đồng, phí bảo hiểm 700.000 đồng, thời hạn vay 18 tháng tính từ ngày 19/6/2014, khoản trả hàng tháng 1.258.000 đồng, ngày thanh toán vào ngày 19 hàng tháng, lãi suất vay 60% năm.

Sau khi vay tiền thì ông T đã trả cho Ngân hàng được 02 tháng số tiền 2.516.000 đồng gồm: Nợ gốc 1.072.150 và tiền lãi 1.443.850 đồng. Từ ngày 19/9/2014 ông T không thực hiện thanh toán cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông T trả tổng cộng số tiền 19.491.856 đồng bao gồm: Nợ gốc là 13.627.850 đồng và tiền lãi 5.864.006 đồng tính từ ngày 19/9/2014 cho đến khi xét xử theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140619-500001-0043 ngày 19/6/2014, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Thực tế, tiền lãi tính từ ngày 19/9/2014 cho đến ngày 19/12/2015 là ngày trả cuối cùng theo hợp đồng và tính mức lãi suất 60%/năm thì ông T phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 10.902.280 đồng, nhưng Ngân hàng chỉ yêu cầu ông T trả số tiền lãi là 5.864.006 đồng.

Bị đơn ông T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Ông xác nhận ngày 13/6/2014, ông có đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đối với Ngân hàng TMCP VN TV – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 60%/năm tháng, mục đích vay mua xe, phương thức vay cho vay trả góp. Ngày 19/6/2014 Ngân hàng đã phê duyệt cho ông vay theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140619-500001-0043 và được vay số tiền 14.700.000 đồng trong đó gồm: 14.000.000 đồng và phí bảo hiểm 700.000 đồng, thời hạn vay 18 tháng tính từ ngày 19/6/2014, ngày thanh toán hàng tháng ngày 19, lãi suất 60%/năm. Ông xác nhận còn nợ của Ngân hàng

TMCP VN TV tổng cộng số tiền 19.491.856 đồng bao gồm nợ gốc 13.627.850 đồng và tiền lãi tính từ ngày 19/9/2014 tính đến ngày 08/9/2017 số tiền là 5.864.006 đồng của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140619-500001-0043 ngày 19/6/2014. Ông đồng ý trả một lần số tiền như Ngân hàng khởi kiện.

Tại phiên Tòa: Đại diện nguyên đơn bà N vắng mặt và có đơn ngày 15/9/2017 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt với nội dung đơn như sau: Buộc ông T trả nợ tổng cộng số tiền 19.491.856 đồng bao gồm: Nợ gốc là 13.627.850 đồng và tiền lãi tính từ ngày 19/9/2014 cho đến ngày 29/9/2017 số tiền 5.864.006 đồng cho Ngân hàng TMCP VN TV, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông T vắng mặt và có đơn ngày 13/9/2017 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt với nội dung đơn như sau: Ông xác nhận còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 13.627.850 đồng và tiền lãi số tiền 5.864.006 đồng. Ông đồng ý trả nợ như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về nội dung giải quyết vụ án: Bị đơn ông T thừa nhận có vay, còn nợ số tiền gốc, tiền lãi và đồng ý trả nợ cho nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP VN TV khởi kiện bị đơn ông T trả số tiền vay của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140619-500001-0043 ngày 19/6/2014 là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an Phường N, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: “Đương sự Dư Đức T hiện có hộ khẩu thường trú tại số Đường C, Phường N, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh và thực tế cư ngụ tại địa phương...”;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ đơn ngày 15/9/2017 của đại diện nguyên đơn bà N và đơn ngày 13/9/2017 của bị đơn ông T cùng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông T được qui định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn:

Ngân hàng yêu cầu buộc bị đơn ông T trả nợ của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140619-500001-0043 ngày 19/6/2014 tổng cộng số tiền 19.491.856 đồng bao gồm: Nợ gốc 13.627.850 đồng và tiền lãi tính từ ngày 19/9/2014 cho đến ngày 29/9/2017 số tiền 5.864.006 đồng, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Về nợ gốc:

Căn cứ đơn ngày 13/6/2014 của ông Dư Đức T đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng và phê duyệt Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140619-500001-0043 ngày 19/6/2014 của Ngân hàng TMCP VN TV – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, thì Ngân hàng cho ông T vay số tiền 14.700.000 đồng gồm: Vay tiêu dùng số tiền 14.000.000 đồng và phí bảo hiểm 700.000 đồng, thời hạn vay 18 tháng tính từ ngày 19/6/2014, khoản trả hàng tháng là 1.258.000 đồng, lãi suất vay 60 %/năm và ông T thừa nhận vay số tiền 14.700.000 đồng và thừa nhận còn nợ số tiền gốc 13.627.850 đồng chưa trả cho Ngân hàng của hợp đồng tín dụng nêu trên là có thật và thời hạn cuối cùng trả nợ theo hợp đồng mà ông T trả nợ là ngày 19/12/2015.

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 qui định về hợp đồng vay tài sản như sau: “Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định.”;

Căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 qui định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;”;

Từ những căn cứ và theo qui định pháp luật đã viện dẫn nêu trên thì việc Ngân hàng yêu cầu ông T trả cho Ngân hàng nợ gốc số tiền 13.627.850 đồng là phù hợp với qui định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về nợ lãi:

Căn khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 qui định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: “Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.”;

Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 qui định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.”;

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140619-500001-0043 ngày 19/6/2014 thì giữa Ngân hàng và ông T có thỏa thuận về lãi suất cho vay là 60 %/năm. Ông T cũng thừa nhận chưa trả lãi cho Ngân hàng từ ngày 19/9/2014 cho đến 08/9/2017. Vì vậy, việc Ngân hàng yêu cầu ông T trả lãi số tiền 5.864.006 đồng là phù hợp qui định của pháp luật đã viện dẫn nêu trên nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu Ngân hàng được chấp nhận là 974.592 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474, của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Dư Đức T trả cho Ngân hàng TMCP VN TV tổng cộng số tiền 19.491.856 đồng bao gồm: Nợ gốc là 13.627.850 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/9/2017 là 5.864.006 đồng của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140619-500001-0043 ngày 19/6/2014.

Việc trả tiền được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP VN TV có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu ông Dư Đức T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Dư Đức T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất được qui định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 974.592 đồng ông Dư Đức T phải chịu và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP VN TV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 487.296 đồng theo biên lai thu số 0003940 ngày 22/6/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo

Ngân hàng TMCP VN TV và ông Dư Đức T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA Dân sự Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Nhàn